

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Bùi Thị Việt T, sinh ngày 10/5/1998; Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh Lê Chí T1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2024, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, chị Bùi Thị Việt T, trình bày: Vào năm 2014, được sự đồng ý của 02 gia đình, chị và anh T1 được cha mẹ hai bên tổ chức cho cưới nhau, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Sau đó đến năm 2018, chị và anh T1 đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 11/2023, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến, thường xuyên xảy ra và ngày càng nghiêm trọng nên vợ chồng đã chính thức ly thân từ tháng 3/2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân

vợ chồng không có gặp nhau hàn gắn do tình cảm không còn. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh T1. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Nhựt K, sinh ngày 23/9/2014 và Lê Quỳnh A, sinh ngày 01/6/2022. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lê Nhựt K và thống nhất giao con chung Lê Quỳnh A cho anh T1 nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung lẫn nhau. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn anh Lê Chí T1 đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng anh T1 vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Bùi Thị Việt T được ly hôn với anh Lê Chí T1. Về việc nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị T, chị được tiếp tục nuôi cháu K, anh T1 tiếp tục nuôi cháu Quỳnh A, hai bên không phải cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Việt T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Chí T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Bùi Thị Việt T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Chí T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Việt T và anh Lê Chí T1 được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét, yêu cầu của chị T là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa chị T và anh T1 có phát sinh mâu thuẫn gia đình. Chị T và anh T1 không còn sống chung đã lâu vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập anh T1 đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Bùi Thị Việt T được ly hôn với anh Lê Chí T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, anh T1 tiếp tục nuôi cháu Quỳnh A là phù hợp nên chấp nhận. Về cấp dưỡng, chị T và anh T1 không yêu cầu cấp dưỡng, nên chưa xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Việt T. Cho chị Bùi Thị Việt T được ly hôn với anh Lê Chí T1.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Việt T.

2.1. Chị Bùi Thị Việt T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Nhựt K, sinh ngày 23/9/2014.

2.2. Anh Lê Chí T1 được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Quỳnh A, sinh ngày 01/6/2022.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Việt T chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004737 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú